

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
Mã chứng khoán: **CTX**
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
- Người thực hiện công bố thông tin:
Ông: Trần Anh Hải
- Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 28/08/2020 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 31/08/2020 tại đường dẫn: <http://www.ctx.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- (*) Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo tài chính bán niên năm 2020.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban TGD, HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TKTCT.

**Trần Anh Hải**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
Mã chứng khoán: **CTX**
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176 Email: info@ctx.vn
2. Người thực hiện công bố thông tin:
Ông: Trần Anh Hải
3. Nội dung thông tin công bố:
Giải trình LNST bán niên năm 2020 chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm 2019:
 - LNST trên kết quả kinh doanh công ty mẹ bán niên năm 2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019 nguyên nhân chủ yếu do nhận cổ tức từ Công ty con.
 - LNST trên kết quả kinh doanh hợp nhất bán niên năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019 nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên doanh thu giảm.
4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/08/2020 tại đường dẫn: <http://www.ctx.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, BKS (để b/c);
- Lưu VT, TKTCT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**Trần Anh Hải**

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 - 51

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0103017485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 4 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Lý Quốc Hùng	Thành viên
Ông Trần Khanh	Thành viên
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Thành viên

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Minh Tuấn.

Bà Hoàng Thị Hương Lan được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính của Công ty theo Giấy ủy quyền số 06/UQ-CTX-KHTC ngày 28 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đề ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

11/10/2020

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty thông qua trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

The image shows a red circular stamp on the left and a handwritten signature in blue ink on the right. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0100109741 - C.T. GP", "TỔNG CÔNG TY", "CỔ PHẦN", "ĐẦU TƯ XÂY DỰNG", "VÀ THƯƠNG MẠI", "VIỆT NAM", and "THÀNH LẬP NGÀY 10/01/2010". The signature is written over a horizontal line.

Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 60997101/21881158/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 7 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		990.860.577.568	872.747.531.913
110	I. Tiền	4	12.428.515.186	15.570.067.958
111	1. Tiền		12.428.515.186	15.570.067.958
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	40.203.645.251	50.203.645.251
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1.1	2.549.370.051	2.549.370.051
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1.1	(2.345.724.800)	(2.345.724.800)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1.2	40.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		905.741.352.975	756.852.513.706
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	280.428.020.332	317.382.236.569
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	146.742.583.841	141.400.980.240
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	324.810.847.011	325.962.757.061
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	289.599.963.799	107.946.601.844
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(135.840.062.008)	(135.840.062.008)
140	IV. Hàng tồn kho		18.015.846.382	34.137.278.109
141	1. Hàng tồn kho	10	18.015.846.382	34.137.278.109
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.471.217.774	15.984.026.889
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	1.726.364
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	14.469.428.544	15.980.511.295
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.789.230	1.789.230

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.209.202.659.763	1.221.409.907.958
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.450.141	8.579.201.241
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	3.450.141	8.579.201.241
220	II. Tài sản cố định	11	1.848.732.500	1.974.853.730
221	1. Tài sản cố định hữu hình		1.848.732.500	1.974.853.730
222	Nguyên giá		7.783.080.485	7.783.080.485
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.934.347.985)	(5.808.226.755)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	16.590.069.478	17.253.099.136
231	1. Nguyên giá		34.003.079.625	34.003.079.625
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(17.413.010.147)	(16.749.980.489)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		463.647.793.815	448.485.594.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	463.647.793.815	448.485.594.500
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	727.024.724.138	744.115.977.552
251	1. Đầu tư vào công ty con	5.2.1	770.576.399.998	770.576.399.998
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	5.2.2	32.933.412.413	32.933.412.413
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2.3	12.012.898.701	12.012.898.701
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.2.4	(88.497.986.974)	(71.406.733.560)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		87.889.691	1.001.181.799
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	87.889.691	1.001.181.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.200.063.237.331	2.094.157.439.871

31/06/2020
 CÔNG TY
 THƯƠNG MẠI
 VIỆT NAM
 B01A-DN

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.148.766.087.950	1.222.321.787.520
310	I. Nợ ngắn hạn		1.130.917.073.665	1.202.637.858.863
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	343.792.595.412	395.055.170.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	54.943.888.051	54.203.498.867
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	5.189.110.659	17.272.918.982
314	4. Phải trả người lao động		951.842.253	2.134.210.106
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	200.422.845.427	305.381.275.741
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	66.753.588
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	117.106.924.572	42.577.068.902
320	8. Vay ngắn hạn	21	385.492.060.282	385.946.962.452
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	23.017.807.009	-
330	II. Nợ dài hạn		17.849.014.285	19.683.928.657
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	17.849.014.285	17.313.126.020
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	2.370.802.637
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.051.297.149.381	871.835.652.351
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.051.297.149.381	871.835.652.351
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		789.072.760.000	789.072.760.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		789.072.760.000	789.072.760.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		262.224.389.381	82.762.892.351
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		82.762.892.351	10.542.036.853
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		179.461.497.030	72.220.855.498
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.200.063.237.331	2.094.157.439.871

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	33.886.425.701	141.364.727.421
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	33.886.425.701	141.364.727.421
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(11.204.682.042)	(110.372.293.139)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.681.743.659	30.992.434.282
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	184.529.575.979	14.789.811.366
22	7. Chi phí tài chính	27	(17.091.253.414)	(35.035.878.293)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	(4.260.791.677)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(3.754.662.737)	(4.461.006.380)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		186.365.403.487	6.285.360.975
31	11. Thu nhập khác		1.538.343.702	5.000.552
32	12. Chi phí khác	29	(8.442.250.159)	(123.205.736)
40	13. Lỗ khác		(6.903.906.457)	(118.205.184)
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		179.461.497.030	6.167.155.791
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(1.344.751.312)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		179.461.497.030	4.822.404.479



Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		179.461.497.030	6.167.155.791
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư		789.150.888	833.467.021
03	Các khoản dự phòng		17.091.253.414	31.275.086.616
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(184.529.575.979)	(14.261.593.163)
06	Chi phí lãi vay	27	-	4.260.791.677
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.812.325.353	28.274.907.942
09	Giảm các khoản phải thu		43.917.387.707	1.257.781.378
10	Giảm hàng tồn kho		16.121.431.727	23.739.612.496
11	Giảm các khoản phải trả		(74.526.790.602)	(142.702.793.738)
12	Giảm chi phí trả trước		915.018.472	515.693.202
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(13.609.028.113)	(5.618.761.427)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(14.369.655.456)	(94.533.560.147)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi xây dựng tài sản cố định		(776.110.000)	-
23	Tiền chi cho vay		(3.146.082.300)	(236.694.921.997)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn		13.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		2.626.441.154	5.393.971.830
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		11.704.248.854	(231.300.950.167)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	41.300.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(454.902.170)	(74.255.751.793)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.244.000)	(5.303.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(476.146.170)	(32.961.054.793)

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.141.552.772)	(358.795.565.107)
60	Tiền tiền đầu kỳ		15.570.067.958	378.289.254.306
70	Tiền cuối kỳ	4	12.428.515.186	19.493.689.199



Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng



TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng Công ty") là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0103017485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 4 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển bất động sản và xây lắp nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty có thể kéo dài từ 12 đến 36 tháng, tùy thuộc vào tính chất, phạm vi của các dự án bất động sản và hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty thực hiện.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các chi nhánh sau:

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 37 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 60 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có các công ty con như trình bày dưới đây:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính theo đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty (%)		Hoạt động chính
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
1	Công ty TNHH CTX Số 1	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Công ty TNHH CTX số 2	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
3	Công ty TNHH CTX số 3	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý các tòa nhà chung cư, quản lý bất động sản đầu tư và cho thuê văn phòng
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	94	94	Phát triển dự án bất động sản
7	Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	89	89	Phát triển dự án bất động sản
8	Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Số 184A, Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	98	98	Phát triển dự án thủy điện
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	99,9	99,9	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại

02-00
CÔNG TY
NHÀ & YOU
VIỆT NAM
NHÂN
NỘI
M-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 vào ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng xây lắp.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng xây lắp bao gồm giá trị nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thầu phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các chi phí chung được phân bổ theo tiêu chí hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ, các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 35 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	25 năm
Tài sản khác	5 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ khi thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ chi phí đi vay được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và/hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian của các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ Luật Lao động.

3.13 Các khoản dự phòng

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Tổng Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.
- ▶ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập để bổ sung vốn điều lệ khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang cho người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và hợp đồng xây dựng được thanh toán theo giá trị khối lượng đã thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập Tổng Công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tiền mặt	1.554.729.877	1.507.543.131
Tiền gửi ngân hàng	10.873.785.309	14.062.524.827
TỔNG CỘNG	12.428.515.186	15.570.067.958

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

5.1.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Công ty Constrexim Việt CZ	5.600	862.400.000	-	5.600	862.400.000	-	
Các cổ phiếu khác		1.686.970.051	76.611.600		1.686.970.051	157.726.100	
TỔNG CỘNG		2.549.370.051	76.611.600		2.549.370.051	157.726.100	

5.1.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 phản ánh các chứng chỉ tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng và được hưởng lãi suất 8,25%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: kỳ hạn 6 tháng, hưởng lãi suất 8,25%/năm)

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

5.2.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Số lượng (cổ phiếu) hữu (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu) hữu (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng
<i>Các công ty con sản xuất kinh doanh</i>						
Công ty TNHH CTX Số 1	-	20.580.000.000	(1.056.614.350)	100	20.580.000.000	(1.056.614.350)
Công ty TNHH CTX Số 3	-	1.000.000.000	-	100	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	810	8.100.000.000	(5.995.216.524)	81	8.100.000.000	(5.995.216.524)
<i>Các công ty con đầu tư dự án</i>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	19.998.000	232.900.000.000	(36.625.670.345)	100	232.900.000.000	(19.534.416.931)
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	9.588.000	121.392.900.000	(1.184.445.866)	94	121.392.900.000	(1.184.445.866)
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	980.000	102.142.999.998	(329.111.856)	98	102.142.999.998	(329.111.856)
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	5.317.750	53.177.500.000	-	89	53.177.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	-	225.283.000.000	-	100	225.283.000.000	-
Công ty TNHH CTX số 2	-	6.000.000.000	-	100	6.000.000.000	-
TỔNG CỘNG		770.576.399.998	(45.191.058.941)		770.576.399.998	(28.099.805.527)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020				Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Constrexim Đức Tân Long	516.136	28	18.433.412.413	(18.433.412.413)	516.136	28	18.433.412.413	(18.433.412.413)
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	100.000	20	5.000.000.000	(5.000.000.000)	100.000	20	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Constrexim (ICC)	90.000	30	3.000.000.000	(3.000.000.000)	90.000	30	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	72.900	27	2.700.000.000	(2.700.000.000)	72.900	27	2.700.000.000	(2.700.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	20.000	20	1.000.000.000	(1.000.000.000)	20.000	20	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	20.408	20	1.000.000.000	(1.000.000.000)	20.408	20	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	54.000	30	1.800.000.000	(1.800.000.000)	54.000	30	1.800.000.000	(1.800.000.000)
TỔNG CỘNG			32.933.412.413	(32.933.412.413)			32.933.412.413	(32.933.412.413)

Đơn vị tính: VND

Bao gồm trong giá trị các khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là giá trị lợi thế doanh nghiệp được Tổng Công ty dùng để góp vốn vào các công ty liên kết với số tiền là 3.932.770.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.932.770.000 VND).

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sâu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Cảnh Viên	276.570	18,44	2.765.700.000	(*)	276.570	18,44	2.765.700.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và Xây lắp Cao tầng	180.000	6,69	1.800.000.000	(*)	180.000	6,69	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	150.000	5,00	1.500.000.000	(*)	150.000	5,00	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	97.938	5,00	979.383.081	842.266.800	97.938	5,00	979.383.081
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	69.000	7,04	690.000.000	(*)	69.000	7,04	690.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục Hưng Holdings	66.000	1,73	660.000.000	709.500.000	66.000	1,73	660.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác			3.617.815.620	(*)			3.617.815.620
TỔNG CỘNG			12.012.898.701				12.012.898.701

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác

(10.373.515.620)

Bao gồm trong giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là giá trị lợi thế doanh nghiệp được Tổng Công ty dùng để góp vốn vào các đơn vị nhận vốn đầu tư với số tiền là 6.907.400.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6.907.400.000 đồng).

(*) Tổng Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác này do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Số đầu kỳ	71.406.733.560	51.872.316.628
Trích lập dự phòng trong kỳ	17.091.253.414	29.912.686.616
Số cuối kỳ	88.497.986.974	81.785.003.244
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng đầu tư vào các công ty con</i>	45.191.058.941	38.478.075.211
<i>Dự phòng đầu tư vào các công ty liên kết</i>	32.933.412.413	32.933.412.413
<i>Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	10.373.515.620	10.373.515.620

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu theo hợp đồng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (i)	114.972.730.527	117.289.519.860
Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	112.207.058.515	144.583.050.335
Phải thu liên quan đến các hoạt động khác	53.248.231.290	55.509.666.374
TỔNG CỘNG	280.428.020.332	317.382.236.569
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	80.132.283.824	103.830.148.714
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(80.258.750.381)	(80.258.750.381)

(i) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện Tổng Công ty sẽ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	101.955.529.924	100.655.494.267
- Công ty Cổ phần Constrexim 16	14.217.553.004	14.217.553.004
- Các khoản trả trước khác	87.737.976.920	86.437.941.263
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	44.787.053.917	40.745.485.973
TỔNG CỘNG	146.742.583.841	141.400.980.240
Dự phòng trả trước cho người bán khó thu hồi	(29.599.570.082)	(29.599.570.082)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	324.810.847.011	324.664.764.711
Phải thu về cho vay đối tượng khác	-	1.297.992.350
TỔNG CỘNG	324.810.847.011	325.962.757.061

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Ngắn hạn		
Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	180.654.464.436	-
Tạm ứng để thực hiện các hợp đồng xây dựng và các dự án đầu tư bất động sản	61.906.186.278	61.698.161.873
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	5.998.972.528	6.211.687.428
Phải thu lãi cho vay công ty con, lãi tiền gửi	33.844.333.066	32.594.222.677
Phải thu phần trả hộ vốn góp	4.617.500.000	4.617.500.000
Phải thu chi phí trả hộ công ty con	93.332.143	30.043.148
Phải thu khác	2.485.175.348	2.794.986.718
TỔNG CỘNG	289.599.963.799	107.946.601.844
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>72.694.741.880</i>	<i>73.324.468.056</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>216.905.221.919</i>	<i>34.622.133.788</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(25.981.741.545)	(25.981.741.545)
Dài hạn		
Cầm cố	-	8.575.751.100
Phải thu dài hạn khác	3.450.141	3.450.141
TỔNG CỘNG	3.450.141	8.579.201.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

Chi tiết các khoản phải thu và tạm ứng quá hạn thu hồi của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	80.258.750.381	-	80.258.750.381	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.599.570.082	-	29.599.570.082	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.982.763.345	1.021.800	25.982.763.345	1.021.800
TỔNG CỘNG	135.841.083.808	1.021.800	135.841.083.808	1.021.800
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu từ và tạm ứng cho các bên liên quan</i>	12.952.357.712	-	12.952.357.712	-
<i>Phải thu từ và ứng trước cho các đối tượng khác</i>	122.888.726.096	1.021.800	122.888.726.096	1.021.800

Các khoản nợ xấu đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng với số tiền là 135,8 tỷ VND.

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các hợp đồng xây dựng	18.015.846.382	-	34.137.278.109	-
TỔNG CỘNG	18.015.846.382	-	34.137.278.109	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.624.417.692	3.003.318.129	426.093.068	729.251.596	7.783.080.485
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	3.624.417.692	3.003.318.129	426.093.068	729.251.596	7.783.080.485
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.195.561.559	2.296.687.129	426.093.047	729.251.596	5.647.593.331
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.854.325.294	2.806.216.345	418.433.520	729.251.596	5.808.226.755
- Khấu hao trong kỳ	75.649.014	50.472.216	-	-	126.121.230
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.929.974.308	2.856.688.561	418.433.520	729.251.596	5.934.347.985
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.770.092.398	197.101.784	7.659.548	-	1.974.853.730
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.694.443.384	146.629.568	7.659.548	-	1.848.732.500

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	32.677.383.198	1.325.696.427	34.003.079.625
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	32.677.383.198	1.325.696.427	34.003.079.625
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.325.696.427	1.325.696.427
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	15.424.284.062	1.325.696.427	16.749.980.489
- Khấu hao trong kỳ	663.029.658	-	663.029.658
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	16.087.313.720	1.325.696.427	17.413.010.147
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	17.253.099.136	-	17.253.099.136
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	16.590.069.478	-	16.590.069.478

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng và một số công trình khác tại Khu Đô thị mới Yên Hòa được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động. Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Bao gồm trong nhóm Nhà cửa và vật kiến trúc là sàn tầng 1 thuộc các tòa nhà CT3, CT4-5 và CT6 trong Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 5,2 tỷ đồng. Theo Công văn số 985/UB – NNĐC do UBND TP Hà Nội ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2004, Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao tầng 1 của các tòa nhà cao tầng này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Các tài sản này đã được Tổng Công ty ghi nhận là bất động sản đầu tư trên cơ sở áp dụng Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án Khu đô thị mới, Khu nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, Tổng Công ty với tư cách là chủ đầu tư được quản lý, sử dụng toàn bộ tầng 1 nhà chung cư cao tầng để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ công ích khu đô thị, phục vụ cho việc quản lý duy trì khu dân cư, có trách nhiệm tổ chức việc quản lý, vận hành khu chung cư theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố. Tổng Công ty hiện đang làm việc với các cơ quan hữu quan để giải quyết các nội dung này.

Ngoài ra, bao gồm trong nhóm Nhà cửa, vật kiến trúc là các tầng tum, tầng hầm và sàn tầng 1 thuộc tòa nhà CT3, CT6 trong Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 6,4 tỷ đồng. Tổng Công ty đã ghi nhận các tài sản này là các bất động sản đầu tư của Tổng Công ty dựa trên Công văn số 09/BXD-QLN của Bộ Xây dựng ngày 7 tháng 1 năm 2013. Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước hữu quan và các bên liên quan khác đang trong quá trình làm việc để hoàn tất hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu và quyền sử dụng liên quan đến các tài sản này.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Tên dự án	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Toà nhà hỗn hợp Constrexim Complex A1	397.729.414.719	386.370.836.872
Tòa nhà Văn phòng và Thương mại Constrexim Plaza E2	65.918.379.096	62.114.757.628
TỔNG CỘNG	463.647.793.815	448.485.594.500

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tổng Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 12,2 tỷ VND (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 9,8 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là 10% (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 10%) trên chi phí lũy kế bình quân phát sinh cho việc đầu tư các dự án bất động sản của Tổng Công ty. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tiền giải phóng mặt bằng được khấu trừ vào tiền thuê đất của Dự án Tòa nhà Văn phòng và Thương mại Constrexim Plaza	-	956.831.653
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.889.691	44.350.146
TỔNG CỘNG	87.889.691	1.001.181.799

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải trả cho các nhà thầu phụ liên quan đến các hợp đồng thầu phụ có điều kiện (i)	135.192.715.646	139.985.152.947
- Công ty Cổ phần Constrexim Meco	44.336.298.502	44.336.298.502
- Các nhà thầu khác	90.856.417.144	95.648.854.445
Phải trả theo các hợp đồng xây lắp khác	63.927.382.654	107.743.761.289
Phải trả liên quan đến hoạt động đầu tư dự án	133.658.240.382	134.230.068.027
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San (xem Thuyết minh số 33)	131.267.440.856	132.262.894.107
- Các nhà cung cấp khác	2.390.799.526	1.967.173.920
Phải trả liên quan đến các hoạt động khác	11.014.256.730	13.096.187.962
TỔNG CỘNG	343.792.595.412	395.055.170.225
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 32)</i>	33.325.513.838	33.180.913.838

(i) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng Công ty sẽ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Người mua trả tiền trước	43.081.096.997	52.642.842.923
Trong đó:		
- Trả trước cho các hợp đồng xây lắp	41.778.591.324	51.340.337.250
- Trả trước cho các hoạt động khác	1.302.505.673	1.302.505.673
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	11.862.791.054	1.560.655.944
TỔNG CỘNG	54.943.888.051	54.203.498.867

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.390.924.161	(3.390.924.161)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.062.576.821	-	(13.609.028.113)	453.548.708
Các loại thuế khác	3.210.342.161	1.705.630.951	(180.411.161)	4.735.561.951
TỔNG CỘNG	17.272.918.982	5.096.555.112	(17.180.363.435)	5.189.110.659
	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số đã thu/(bù trừ) trong kỳ	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	15.980.511.295	1.879.841.410	(3.390.924.161)	14.469.428.544
Thuế khác	1.789.230	-	-	1.789.230
TỔNG CỘNG	15.982.300.525	1.879.841.410	(3.390.924.161)	14.471.217.774

Tổng Công ty đã cần trừ khoản thuế giá trị gia tăng đã nộp hai lần cho cơ quan thuế trong các năm 2006 và 2007 với cùng một số tiền là 29,6 tỷ đồng với thuế giá trị gia tăng phải trả trong tháng 12 năm 2011. Khoản thuế nộp hai lần này phát sinh do doanh thu liên quan đã được coi là doanh thu chịu thuế cho cả hai năm 2005 và năm 2006 theo Biên bản thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế năm 2005 do đoàn thanh tra của Cục thuế thành phố Hà Nội ký ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Biên bản thanh tra thuế cho năm 2006 và 5 tháng đầu năm 2007 do một đoàn thanh tra khác của Cục thuế thành phố Hà Nội ký ngày 25 tháng 10 năm 2007. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để xử lý vấn đề này.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Ngắn hạn		
Trích trước giá vốn chuyển nhượng Dự án Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ D28	104.770.910.837	104.770.910.837
Chi phí trích trước cho hợp đồng xây lắp nhà số 1&5 đường Lê Duẩn, thành phố Hồ Chí Minh	30.215.789.354	30.215.789.354
Chi phí phải trả của Dự án Tòa nhà Văn phòng PVI	12.574.169.087	20.737.005.056
Chi phí trích trước cho Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	18.410.666.734	29.875.118.696
Chi phí xây dựng trích trước cho Dự án Tây Hồ Park View	4.475.917.082	12.625.225.576
Trích trước chi phí lãi vay (i)	-	82.822.424.527
Chi phí phải trả khác	29.975.392.333	24.334.801.695
TỔNG CỘNG	<u>200.422.845.427</u>	<u>305.381.275.741</u>
Trong đó:		
<i>Chi phí phải trả bên liên quan (i)</i> <i>(Thuyết minh số 32)</i>	-	64.433.554.611
<i>Chi phí phải trả cho các bên khác</i>	<i>200.422.845.427</i>	<i>240.947.721.130</i>
Dài hạn		
Trích trước tiền thuê đất của lô đất trong Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa	17.557.399.975	17.021.511.710
Dự phòng trợ cấp thôi việc	291.614.310	291.614.310
TỔNG CỘNG	<u>17.849.014.285</u>	<u>17.313.126.020</u>

(i) Tổng Công ty đã phân loại lại số dư lãi vay phải trả sang khoản mục phải trả ngắn hạn khác.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí lãi vay phải trả (i)	95.045.632.393	-
Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê	5.294.511.588	5.294.511.588
Phải trả các cá nhân mua bất động sản theo thanh lý hợp đồng chuyển nhượng	4.248.031.682	4.208.632.242
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.259.273.057	2.281.673.057
Tiền đặt cọc của các cá nhân để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty (ii)	-	23.017.807.009
Các khoản phải trả khác	8.459.475.852	5.974.445.006
TỔNG CỘNG	117.106.924.572	42.577.068.902
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	71.056.094.793	3.081.130.240
Phải trả các bên khác	46.050.829.779	39.495.938.662

(i) Số dư vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm khoản lãi vay phải trả ông Trần Minh Sơn đã quá hạn với số tiền là 29,1 tỷ VND (xem Thuyết minh số 21.1)

(ii) Tổng Công ty đã phân loại lại số dư phải trả liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty sang khoản mục dự phòng phải trả ngắn hạn.

21. VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2020
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Tăng	Giảm	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
Vay từ đối tượng khác	157.000.000.000	-	-	157.000.000.000
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	228.946.962.452	-	(454.902.170)	228.492.060.282
TỔNG CỘNG	385.946.962.452	-	(454.902.170)	385.492.060.282

21.1 Vay ngắn hạn đối tượng khác

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo
Ông Trần Minh Sơn	157.000.000.000	Đáo hạn ngày 31 tháng 3 năm 2020; Lãi vay được trả khi đáo hạn gốc vay	6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	157.000.000.000			

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, khoản vay và các khoản lãi liên quan phải trả ông Trần Minh Sơn đã quá hạn thanh toán. Tổng Công ty đang trong quá trình đàm phán để gia hạn cho khoản vay trên.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn các bên liên quan

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	147.577.737.988	Hoàn trả theo yêu cầu của bên cho vay	10%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	47.987.385.471	Hoàn trả theo yêu cầu của bên cho vay	0%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	30.353.566.330	Hoàn trả theo yêu cầu của bên cho vay	0%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Constrexim TIC	2.573.370.493	Hoàn trả theo yêu cầu của bên cho vay	0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>228.492.060.282</u>			

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Dự phòng phải trả liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty (i)	23.017.807.009	-
TỔNG CỘNG	<u>23.017.807.009</u>	-

(i) Tổng Công ty hiện đang thực hiện việc hoàn thành hồ sơ quyết toán cổ phần hóa doanh nghiệp để xác định giá trị các khoản phải nộp về Quỹ HTSXPTDN do SCIC quản lý theo Văn bản số 714/VPCP-ĐMDN của Văn phòng Chính phủ ngày 28 tháng 1 năm 2015 về việc đồng ý đề Bộ Xây dựng quyết toán và bàn giao vốn nhà nước cho Tổng Công ty theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007, Văn bản số 11603/BTC-TCDN do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2013 về việc xử lý khoản chậm nộp về Quỹ HTSXPTDN và Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty và các văn bản khác có liên quan. Giá trị các khoản phải nộp nêu trên có thể thay đổi phụ thuộc vào quyết toán của Tổng Công ty và các cơ quan nhà nước hữu quan.



Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	366.933.523.697	799.614.796.853
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.822.404.479	4.822.404.479
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	371.755.928.176	804.437.201.332
<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	789.072.760.000	-	-	82.762.892.351	871.835.652.351
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	179.461.497.030	179.461.497.030
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	789.072.760.000	-	-	262.224.389.381	1.051.297.149.381

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Vốn góp của các cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000	789.072.760.000
TỔNG CỘNG	789.072.760.000	789.072.760.000	789.072.760.000



Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ phiếu đăng ký phát hành	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	78.907.276	78.907.276

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	674	674
- Euro (EUR)	56	56

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Tổng doanh thu	33.886.425.701	141.364.727.421
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	31.096.364.334	137.259.077.900
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	1.000.000.000
Doanh thu khác	2.790.061.367	3.105.649.521
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	33.886.425.701	141.364.727.421

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

(*) Chi tiết doanh thu từ hợp đồng xây dựng:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	31.096.364.334	135.694.698.075
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	-	1.564.379.825
TỔNG CỘNG	31.096.364.334	137.259.077.900
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện đến ngày cuối kỳ	1.306.421.175.351	1.074.772.187.789

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lãi tiền gửi, cho vay	3.875.111.543	14.261.593.163
Lợi nhuận được phân phối (i)	180.654.464.436	-
Doanh thu tài chính khác	-	528.218.203
TỔNG CỘNG	184.529.575.979	14.789.811.366

(i) Đây là khoản phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Đầu tư C.T.L, công ty con, theo Quyết định số 01/QĐ-CTL ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Công ty TNHH Đầu tư C.T.L.

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Giá vốn hợp đồng xây dựng	29.633.052.050	107.308.467.636
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	1.375.756.273
Giá vốn khác	663.029.658	1.688.069.230
Hoàn nhập chi phí trích trước của Dự án Khu đô thị mới Yên Hòa và dự án tòa nhà PVI theo quyết toán	(19.091.399.666)	-
TỔNG CỘNG	11.204.682.042	110.372.293.139

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	-	4.260.791.677
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	17.091.253.414	30.775.086.616
TỔNG CỘNG	<u>17.091.253.414</u>	<u>35.035.878.293</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân công	1.621.503.170	2.067.293.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.815.140.473	1.106.360.393
Chi phí khấu hao	126.121.230	170.437.363
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	500.000.000
Chi phí khác	191.897.864	616.915.604
TỔNG CỘNG	<u>3.754.662.737</u>	<u>4.461.006.380</u>

29. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi bồi thường do thanh lý hợp đồng cho thuê văn phòng trước hạn	7.318.411.501	-
Chi phí khác	1.123.838.658	123.205.736
TỔNG CỘNG	<u>8.442.250.159</u>	<u>123.205.736</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản	2.843.106.724	14.236.248.883
Chi phí nhân công	2.187.227.940	7.043.087.097
Chi phí khấu hao	789.150.888	833.467.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.815.140.473	66.762.864.419
Hoàn nhập chi phí trích trước	(19.627.287.931)	-
Chi phí khác	976.357.274	2.218.019.603
TỔNG CỘNG	<u>(11.016.304.632)</u>	<u>91.093.687.023</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Tổng Công ty trong kỳ hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	179.461.497.030	6.167.155.791
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	35.892.299.406	1.233.431.158
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được khấu trừ	235.803.659	111.320.154
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế	2.789.822	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	(36.130.892.887)	-
Chi phí thuế TNDN	-	1.344.751.312

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Cho vay	1.000.000.000	236.198.441.997
		Doanh thu xây lắp	-	6.453.427.111
		Lãi cho vay	1.610.314.225	8.867.621.333
		Tiền thu hồi cho vay	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư C.d.L	Công ty con	Lợi nhuận được chia	180.654.464.436	-
		Cho mượn tiền	2.000.000.000	24.300.000.000
		Nhận tạm ứng hợp đồng tổng thầu dự án Tây Hồ	34.000.000.000	46.073.118.419
		Doanh thu xây lắp	-	27.000.000.000
		Lãi vay phải trả	-	1.992.194.520
		Thanh toán gốc vay cho công ty con	-	58.308.132.293
Công ty TNHH CTX d 1	Công ty con	Thanh toán và tạm ứng giá trị công trình xây lắp	4.637.430.511	4.042.420.000
		Giá trị công trình xây lắp được nghiệm thu	-	1.402.200.000
		Cho vay	500.000.000	-
Công ty TNHH CTX Số 3	Công ty con	Công ty con trả tiền thuê tài sản	3.000.000.000	4.500.000.000
		Doanh thu cho công ty con thuê tài d	2.727.272.272	3.072.272.727
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Trả gốc vay	-	15.500.000.000
		Lãi vay phát sinh	7.460.874.532	7.454.325.160

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tổng Công ty vay và cho vay đối với các bên liên quan, cung cấp dịch vụ và bán hàng cũng như mua dịch vụ xây lắp từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Tổng Công ty cũng thực hiện các giao dịch đi vay và cho vay với các bên liên quan theo lãi suất và kỳ hạn đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và tạm ứng khó thu hồi từ các bên liên quan với số tiền là: 12,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 12,9 tỷ VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Phải thu theo hợp đồng xây dựng	70.770.078.558	70.770.078.558
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Phải thu từ hợp đồng xây dựng dự án	-	23.697.864.890
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Vật liệu xây dựng mua hộ	5.916.570.420	5.916.570.420
Công ty TNHH CTX Số 3	Công ty con	Phải thu tiền cho thuê văn phòng	446.812.833	446.812.833
Công ty TNHH CTX Số 1	Công ty con	Phải thu tiền cho thuê văn phòng	2.079.296.142	2.079.296.142
Phải thu các bên liên quan khác			919.525.871	919.525.871
TỔNG CỘNG			80.132.283.824	103.830.148.714
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty TNHH CTX Số 1	Công ty con	Tạm ứng cho nhà thầu	28.427.617.516	24.390.187.005
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Cầu kiện Constrexim	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	5.184.129.711	5.184.129.711
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	1.762.936.361	1.762.936.361
Công ty Cổ phần Đức Tân Long - Constrexim	Công ty liên kết	Tạm ứng cho nhà thầu	1.173.304.065	1.173.304.065
Các bên liên quan khác			694.556.439	690.419.006
TỔNG CỘNG			44.787.053.917	40.745.485.973
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina (i)	Công ty con	Cho vay	321.588.882.234	323.588.882.234
Công ty Cổ phần địa ốc Sum Lâm (ii)	Công ty con	Cho vay	2.721.964.777	1.075.882.477
Công ty TNHH CTX Số 1 (ii)	Công ty con	Cho vay	500.000.000	-
TỔNG CỘNG			324.810.847.011	324.664.764.711

(i) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay 1%/năm và hoàn trả theo yêu cầu của bên cho vay.

(ii) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay 0%/năm và hoàn trả theo yêu cầu của bên cho vay.

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Phải thu lợi nhuận được chia	180.654.464.436	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	Công ty con	Chi phí trả hộ công ty con	32.533.374.162	30.964.531.937
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý BĐS Thăng Long	Cổ đông lớn	Phải thu trả hộ	2.020.000.000	2.020.000.000
Các bên liên quan khác		Phải thu ngắn hạn khác	1.697.383.321	1.637.601.851
TỔNG CỘNG			216.905.221.919	34.622.133.788
Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH CTX Số 1	Công ty con	Phải trả cho nhà thầu xây dựng, tư vấn theo hợp đồng	8.196.091.589	8.796.091.589
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	1.840.140.177	1.840.140.177
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	7.668.663.088	7.668.663.088
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	Công ty liên kết	Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	818.336.344	818.336.344
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Phải trả cung cấp dịch vụ	2.606.100.000	1.861.500.000
Công ty TNHH CTX Số 2	Công ty con	Phải trả từ hoạt động đầu tư	6.000.000.000	6.000.000.000
Các bên liên quan khác		Phải trả cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	1.935.071.339	1.935.071.339
TỔNG CỘNG			33.325.513.838	33.180.913.838

2-06
 TY
 H
 YOU
 NAM
 TÁNH
 HỘI
 T. S

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tổng Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan cuối kỳ như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Tạm ứng theo hợp đồng xây dựng	10.302.135.110	-
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Công ty con	Tạm ứng theo hợp đồng xây dựng	1.560.655.944	1.560.655.944
TỔNG CỘNG			11.862.791.054	1.560.655.944
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	-	59.726.253.919
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	4.707.300.692
TỔNG CỘNG			-	64.433.554.611
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	61.222.998.366	-
Ông Trần Anh Tú	Thành viên Ban kiểm soát	Phải trả do chấm dứt hợp đồng mua bán căn hộ	3.081.130.240	3.081.130.240
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Công ty con	Cho mượn tiền	2.000.000.000	-
		Lãi vay phải trả	4.707.300.692	-
Các bên liên quan khác		Phải trả ngắn hạn khác	44.665.495	-
TỔNG CỘNG			71.056.094.793	3.081.130.240
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 21.2)				
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	Cổ đông lớn	Gốc vay phải trả	147.577.737.988	147.577.737.988
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Công ty con	Gốc vay phải trả	47.987.385.471	48.369.518.471
Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Công ty con	Gốc vay phải trả	30.353.566.330	30.395.321.330
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Công ty con	Gốc vay phải trả	2.573.370.493	2.604.384.663
TỔNG CỘNG			228.492.060.282	228.946.962.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lương	<u>538.292.000</u>	<u>573.600.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>538.292.000</u>	<u>573.600.000</u>

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Kinh doanh bất động sản			Đơn vị tính: VND	
	Hoạt động xây lắp	Các hoạt động khác	Tổng cộng		
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Doanh thu thuần	31.096.364.334	2.790.061.367	33.886.425.701		
Kết quả					
Tổng lợi nhuận trước thuế của bộ phận	17.109.191.863	162.352.305.167	179.461.497.030		
Chi phí thuế TNDN hiện hành không phân bổ	-	-	-		
Lợi nhuận sau thuế TNDN			179.461.497.030		
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Tổng tài sản	525.557.430.234	432.973.221.108	2.200.063.237.331		
Tài sản bộ phận	525.557.430.234	432.973.221.108	1.217.842.484.248		
Tài sản không phân bổ (i)			982.220.753.083		
Tổng nợ phải trả	517.797.109.211	51.462.169.277	1.148.766.087.950		
Nợ phải trả bộ phận	517.797.109.211	51.462.169.277	878.685.820.147		
Nợ phải trả không phân bổ (ii)			270.080.267.803		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Kinh doanh bất động sản		Hoạt động xây lắp		Các hoạt động khác		Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng	
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019							
Doanh thu thuần	1.000.000.000		137.259.077.900		3.105.649.521		141.364.727.421
Kết quả	(407.312.988)		25.695.229.122		(19.120.760.343)		6.167.155.791
Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế							(1.344.751.312)
Chi phí thuế TNDN hiện hành không phân bổ							
Lợi nhuận sau thuế TNDN							4.822.404.479

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tổng tài sản

Tài sản bộ phận

Tài sản không phân bổ (i)

Tổng nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ (ii)

(i) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, một số tài sản cố định và một số tài sản khác.

(ii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa, cổ tức phải trả cổ đông và một số khoản nợ phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết về chi phí thi công các hợp đồng xây dựng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có các cam kết về chi phí thi công các hợp đồng xây dựng với giá trị khoảng 64 tỷ đồng.

Cam kết bàn giao lại cơ sở hạ tầng cho thành phố

Theo Công văn số 985/UB – NNĐC do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2004, diện tích tầng 1 các tòa nhà cao tầng trong Khu Đô thị mới Yên Hòa do Nhà nước thống nhất quản lý và Tổng Công ty có trách nhiệm bàn giao diện tích tầng 1 này cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý các nội dung này.

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty đang thuê một số lô đất tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo hợp đồng ký năm 2016 để đầu tư các dự án bất động sản, với thời hạn thuê là 50 năm. Các khoản tiền thuê đất ước tính phải trả trong tương lai của Tổng Công ty vào cuối kỳ như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Dưới 1 năm	2.435.360.004	1.478.528.351
Trên 1 – 5 năm	9.741.440.016	9.741.440.016
Trên 5 năm	85.124.172.414	86.338.516.306
TỔNG CỘNG	97.300.972.434	97.558.484.673

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động đối với Công ty TNHH MTV Quản lý Bất động sản Constrexim, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản phải nộp về Quỹ HTSXPTDN do SCIC quản lý

Giá trị các khoản phải nộp về Quỹ HTSXPTDN do SCIC quản lý như đã trình bày trong Thuyết minh số 22 có thể thay đổi phụ thuộc vào quyết toán của Tổng Công ty và các cơ quan nhà nước hữu quan.


Nợ tiềm tàng liên quan đến khoản nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San

Các khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San, được trình bày trong Thuyết minh số 16, có kỳ hạn thanh toán thành một số đợt với khoản phải trả cuối cùng có kỳ hạn trả không muộn hơn ngày 30 tháng 12 năm 2017. Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San đã tạm dừng hoạt động và Tổng Công ty đang trong quá trình liên hệ và làm việc để gia hạn thời hạn thanh toán cho khoản phải trả này. Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản lãi tính trên số nợ quá hạn do Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá sẽ đạt được thỏa thuận gia hạn cho khoản phải trả này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.


Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

TU. Q TỔNG GIÁM ĐỐC


Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài Chính – Kế toán

